**Câu 1.** Trung du và miền núi Bắc Bộ có tiềm năng thủy điện lớn nhất cả nước do

**A.** chủ yếu là đồi núi cao, mặt bằng lớn, mưa nhiều trên diện rộng.

**B.** địa hình núi cao chiếm ưu thế, nhiều sông lớn chảy trên địa hình dốc.

**C.** nhiều khoáng sản, nhiều sông lớn và lưu lượng nước sông lớn nhất nước.

**D.** chủ yếu là các con sông lớn bắt nguồn từ ngoài lãnh thổ nước ta.

**Câu 2.** Các trung tâm công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ phát triển dựa trên điều kiện

**A.** thu hút mạnh vốn đầu tư nước ngoài.

**B.** vị trí, địa hình, khí hậu thuận lợi.

**C.** cơ sở hạ tầng được đầu tư tương đối hoàn thiện.

**D.** giàu nguyên liệu và khoáng sản.

**Câu 3.** Khó khăn lớn nhất ảnh hưởng đến việc mở rộng diện tích và nâng cao năng suất cây công nghiệp, cây đặc sản và cây ăn quả của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** địa hình núi cao nhất nước, khí hậu giá lạnh khó khăn cho phát triển nông nghiệp.

**B.** hiện tượng rét đậm rét hại, sương muối và tình trạng thiếu nước về mùa đông.

**C.** trình độ của người dân còn thấp, hạn chế về lao động lành nghề và thị trường tiêu thụ. **D.** cơ sở vật chất còn nghèo nàn, mạng lưới giao thông chưa được đầu tư nâng cấp.

**Câu 4.** Nguyên nhân chủ yếu nào làm cho Trung du và miền núi Bắc Bộ còn hạn chế trong việc phát triển công nghiệp?

**A.** Thiếu tài nguyên khoáng sản. **B.** Nhiều dân tộc ít người.

**C.** Diện tích giáp biển ít. **D.** Giao thông vận tải chưa phát triển.

**Câu 5.** Điều nào sau đây tạo đà cho sự hình thành khu công nghiệp Cái Lân ở Trung du miền núi Bắc Bộ?

**A**. Cầu Cái Lân được xây dựng và hiện đại hóa.

**B**. Trung tâm thương mại Cái Lân được hoàn thiện.

**C**. Phà Cái Lân được xây dựng và hiện đại hóa.

**D**. Cảng Cái Lân được xây dựng và nâng cấp.

**Câu 6.** Với một mùa đông lạnh và có mưa phùn, đồng bằng sông Hồng có lợi thế để

**A.** trồng được các cây công nghiệp, dược liệu.

**B.** nuôi được nhiều giống gia súc ưa lạnh.

**C.** tăng thêm vụ lúa chịu lạnh.

**D.** trồng rau vụ đông có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới.

**Câu 7.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với đồng bằng sông Hồng?

**A.** Mật độ dân số cao nhất cả nước, thị trường lao động rộng lớn.

**B.** Tài nguyên đất, nước trên mặt bị xuống cấp do khai thác quá mức.

**C.** Trình độ phát triển kinh tế cao, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhanh.

**D.** Thiếu nguyên liệu cho phát triển công nghiệp.

**Câu 8.** Vì sao phải đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ ở Đồng bằng sông Hồng?

**A**. Có nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn.

**B**. Tài nguyên đất và nước trên mặt bị xuống cấp nhanh chóng.

**C**. Tạo ra nguồn hàng xuất khẩu, khắc phục tính mùa vụ.

**D**. Dân số đông, khả năng mở rộng diện tích hết sức khó khăn.

**Câu 9.** Nhận định nào sau đây **không** đúng về đồng bằng sông Hồng?

**A.** Lịch sử khai thác lãnh thổ muộn, đông dân, thị trường tiêu thụ lớn.

**B.** Tài nguyên thiên nhiên hạn chế nhưng việc sử dụng lại chưa hợp lí.

**C.** Mật độ dân số cao nhất nước, chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm.

**D.** Chịu ảnh hưởng của thiên tai, bão lũ; tài nguyên đất, nước bị xuống cấp.

**Câu 10.** Việc hình thành cơ cấu nông- lâm- ngư nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với sự hình thành cơ cấu kinh tế chung của vùng Bắc Trung Bộ bởi vì nó góp phần

**A.** thu hút nguồn lao động có chất lượng cao và đa dạng hóa các sản phẩm nông nghiệp.

**B.** giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động và mở rộng thị trường tiêu thụ.

**C.** tạo ra cơ cấu ngành và thế liên hoàn trong phát triển cơ cấu kinh tế theo không gian.

**D.** khai thác tiềm năng to lớn của biển, đất liền, góp phần bảo vệ rừng và môi trường.

**Câu 11.** Cây lương thực ở vùng Bắc Trung Bộ được trồng chủ yếu ở

**A.** các đồng bằng có đất pha cát ven biển.

**B.** các vùng đồi trước núi và đồng bằng ven biển.

**C.** các ruộng bậc thang của vùng núi phía tây.

**D.** dải đồng bằng hạ lưu sông và dọc thung lũng các sông.

**Câu 12.** Trong phát triển công nghiệp ở Bắc Trung Bộ, cần ưu tiên phát triển

**A.** cơ sở năng lượng. **B.** khai thác khoáng sản.

**C.** chế biến lương thực, thực phẩm. **D.** chế biến lâm sản.

**Câu 13.** Việc trồng rừng ven biển ở Bắc Trung Bộ có tác dụng chính là

**A**. điều hòa nguồn nước, giảm tác hại của lũ quét.

**B**. hạn chế tác hại của bão và ngập lụt do mưa lớn.

**C**. chống xói mòn, rửa trôi, hạn chế hoang mạc hóa đất đai.

**D**. hạn chế hiện tượng cát bay, cát chảy và sạt lở bờ biển.

**Câu 14.** Khó khăn nào sau đây ảnh hưởng lớn nhất đến việc phát triển ngư nghiệp của Bắc Trung Bộ?

**A**. Không có các bãi cá lớn. **B**. Chịu ảnh hưởng của bão.

**C**. Tàu thuyền có công suất nhỏ. **D**. Kinh nghiệm đi biển còn hạn chế.

**Câu 15.** Nguyên nhân chính làm cho Duyên hải Nam Trung Bộ có lợi thế hơn Bắc Trung Bộ trong phát triển khai thác thủy sản là

**A.** vùng biển có nhiều ngư trường trọng điểm hơn.

**B.** nước biển có độ mặn cao, có nhiều cảng nước sâu hơn.

**C.** đường bờ biển khúc khuỷu, nhiều vũng vịnh hơn.

**D.** mạng lưới sông ngòi dày đặc, ít mưa bão hơn.

**Câu 16.** Vì sao duyên hải Nam Trung Bộ có lợi thế phát triển nuôi trồng thủy sản nước lợ?

**A.** Ít chịu ảnh hưởng của thiên tai. **B.** Khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều.

**C.** Có nhiều vũng vịnh, đầm phá. **D.** Có nhiều ngư trường trọng điểm.

**Câu 17.** Vì sao duyên hải Nam Trung Bộ có lợi thế phát triển khai thác thủy sản?

**A.** Đường bờ biển dài, nhiều ngư trường trọng điểm.

**B.** Sông ngòi dày đặc, ít thiên tai.

**C.** Nhiều vũng vịnh đầm phá.

**D.** Người dân có kinh nghiệm đi biển.

**Câu 18.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với công nghiệp năng lượng của vùng duyên hải Nam Trung Bộ?

**A**. Điện chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển công nghiệp.

**B**. Sử dụng mạng lưới điện quốc gia qua đường dây 500KV.

**C**. Vùng có nhiều lợi thế phát triển điện gió và điện mặt trời.

**D**. Than đá là tài nguyên quan trọng để phát triển các nhà máy nhiệt điện.

**Câu 19.** Ở duyên hải Nam Trung Bộ, có thể xây dựng các nhà máy thủy điện có công suất

**A**. lớn và trung bình. **B**. trung bình và nhỏ.

**C**. không xây dựng được. **D**. rất nhỏ.

**Câu 20.** Để nâng cao sản xuất giá trị cây công nghiệp ở Tây Nguyên, giải pháp nào sau đây quan trọng nhất?

**A.** Quy hoạch các vùng chuyên canh cây công nghiệp.

**B.** Mở rộng diện tích cây công nghiệp, đa dạng hóa cơ cấu cây công nghiệp.

**C.** Chú trọng phát triển thủy lợi và mở rộng thị trường tiêu thụ.

**D.** Đẩy mạnh chế biến sản phẩm cây công nghiệp và xuất khẩu.

**Câu 21.** Tiềm năng lớn nhất của vùng Tây Nguyên là

**A.** phát triển cây công nghiệp lâu năm.

**B.** khai thác khoáng sản, thủy sản.

**C.** phát triển công nghiệp và cơ sở hạ tầng.

**D.** phát triển thủy điện và trồng cây lương thực.

**Câu 22.** Tại sao khai thác tài nguyên rừng ở Tây Nguyên, cần hết sức chú trọng khai thác đi đôi với tu bổ và bảo vệ vốn rừng?

**A**. Rừng đem lại nhiều lợi ích cho đời sống của con người.

**B**. Nạn cháy rừng, phá rừng gia tăng, tài nguyên rừng suy giảm.

**C**. Tài nguyên rừng có vai trò và giá trị lớn nhưng đang bị suy giảm.

**D**. Rừng giúp điều tiết nguồn nước và điều hòa khí hậu hơn.

**Câu 23.** Điều nào sau đây **không** chính xác khi nói về tài nguyên khoáng sản ở Tây Nguyên?

**A**. Không nhiều tài nguyên khoáng sản. **B**. Bôxit có trữ lượng hàng tỉ tấn.

**C**. Trữ năng thủy điện lớn. **D**. Trữ lượng đá Axit khá lớn.

**Câu 24.** Nguyên nhân phải chú ý đến vấn đề môi trường trong công nghiệp khai thác dầu khí ở Đông Nam Bộ là

**A.** không đủ vốn để nhập máy móc thiết bị hiện đại.

**B.** trữ lượng dầu khí đang có nguy cơ cạn kiệt.

**C.** công tác xử lí ô nhiễm môi trường còn hạn chế.

**D.** khai thác dầu khí thường gây ô nhiễm môi trường biển.

**Câu 25.** Cơ sở để nâng cao hiệu quả khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ là

**A**. giải quyết các vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường.

**B**. khai thác tốt các nguồn lực tự nhiên và kinh tế.

**C**. đẩy mạnh đầu tư vốn, khoa học công nghệ.

**D**. đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao.

**Câu 26.** Nguyên nhân chủ yếu phải sử dụng hợp lý và cải tạo tự nhiên đồng bằng sông Cửu Long là

**A.** vùng có nhiều tiềm năng về tự nhiên để phát triển kinh tế xã hội.

**B.** là vùng trọng điểm về lương thực thực phẩm của nước ta.

**C.** thiên nhiên đa dạng, giàu tiềm năng nhưng cũng nhiều khó khăn.

**D.** diện tích đất phèn, đất mặn và đất hoang hóa lớn.

**Câu 27.** Thảm thực vật chủ yếu ở Đồng bằng sông Cửu Long là

**A.** rừng ngập mặn và rừng tràm.  **B**. rừng cận xích đạo và cây bụi.

**C.** rừng tràm và rừng lá kim. **D.** rừng đước và rừng hỗn hợp.

**Câu 28.** Nguyên nhân chủ yếu gây nên xói lở bờ biển ở Đồng bằng sông Cửu Long là do

**A**. hoạt động khai thác cát ở các con sông.

**B**. ảnh hưởng của mưa lớn và triều cường.

**C**. nạn phá rừng và lấy đất nuôi tôm.

**D**. không có rừng phòng hộ ven biển.

**Câu 29:** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CỦA NƯỚC TA

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2014** | **2016** | **2017** |
| Thịt hộp *(nghìn tấn)* | 4,7 | 4,1 | 4,3 | 4,1 |
| Nước mắm *(triệu lít)* | 257,1 | 334,4 | 372,2 | 380,2 |
| Thủy sản đóng hộp *(nghìn tấn)* | 76,9 | 103,5 | 102,3 | 109,0 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện sản lượng một số sản phẩm công nghiệp của nước ta, giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

**A.** Tròn. **B.** Miền. **C.** Kết hợp. **D.** Cột.

**Câu 30:** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THAN SẠCH VÀ DẦU THÔ CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2018

*(Đơn vị: Triệu tấn)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2012** | **2014** | **2016** | **2018** |
| Than sạch | 44,8 | 42,1 | 41,1 | 38,7 | 42,0 |
| Dầu thô | 15,0 | 16,3 | 13,4 | 17,2 | 14,0 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện sản lượng than sạch và dầu thô nước ta, giai đoạn 2010 - 2018, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

**A.** Kết hợp. **B.** Miền. **C.** Cột. **D.** Tròn.